

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 567/2024/DS-PT  
Ngày 25 - 7 - 2024  
V/v Tranh chấp chia tài sản chung.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông H1ng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngụy Tiên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1838/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 951/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Dương Thị H, sinh năm: 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ: W, A A, L, C, USA.

Đại diện theo uỷ quyền của bà H: Bà Lê Thị Kim Th, sinh năm: 1965. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: H, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: đường Ng, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đăng M, địa chỉ: đường Ng, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Dương Xuân H1, sinh năm: 1963. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Xuân H1:* Ông Trần Ngọc H2, sinh năm 1981; địa chỉ: đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Xuân H1:* Luật sư Trần Hào T – Công ty Luật TNHH H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/. Chị Dương Thị Bích H3, sinh năm: 2004. (vắng mặt)

2/. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1978. (có mặt)

3/. Bà Khổng Thị Đ, sinh năm: 1935. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Anh Dương Xuân H4, sinh năm: 2005. (vắng mặt)

5/. Trẻ Dương Thuy Bích Hằng, sinh năm: 2010. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Dương Thị Bích H3 có ông Dương Xuân H1. (có mặt)

6/. Công ty TNHH Du lịch C

Người đại diện theo pháp luật: Bà Chu Thị Hải H, sinh năm: 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người kháng cáo:** Ông Dương Xuân H1, bà Khổng Thị Đ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:*

Nhà đất tại địa chỉ số đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trước đây là của bà Khổng Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14011/2000 do Ủy ban nhân dân TP.HCM cấp ngày 08/11/2000. Bà Khổng Thị M có hai người con là ông Dương Xuân H1 và bà Dương Thị H. Năm 2015, bà M mất theo Giấy chứng tử số 62/2015 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 1, TP.HCM cấp. Ngày 04/9/2015, bà H và ông H1 thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế của bà M đối với nhà đất tại địa chỉ số đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật đứng tên trên Giấy chứng nhận ngày 04/9/2015. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 14011/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2000 hiện nay do ông H1 giữ. Do có nhu cầu phân chia tài sản chung, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông H1 thanh toán cho bà H phần giá trị bà H

được hưởng là một nửa trong khối tài sản chung do bà M để lại nhưng ông H1 không đồng ý, chiếm giữ khối tài sản chung để một mình, hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng tài sản chung, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nhận kỷ phần thừa kế là 50% giá trị tài sản chung là nhà đất số đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu thanh toán một lần, giá trị tài sản là 63.815.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng) theo Chứng thư thẩm định giá số 1606/2020/CT-TN ngày 18/8/2020 do Công ty Thẩm định giá TN phát hành, bà H đồng ý với giá này và không có yêu cầu định giá lại.

*Bị đơn ông Dương Xuân H1 trình bày:*

Thông nhất về nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của bà Khổng Thị M và hàng thừa kế của bà M gồm có ông H1 và bà H như bà H đã trình bày. Trong quá trình làm giấy tờ pháp lý cho nhà đất trên, bà H đã uỷ quyền cho ông chịu trách nhiệm và làm mọi thủ tục. Tuy nhiên, đến tháng 6/2016 bà H đã huỷ bỏ uỷ quyền nhằm mục đích gây khó khăn cho ông H1 trong quá trình làm giấy tờ pháp lý liên quan đến căn nhà nhằm ép ông H1 bán nhà chia tiền đem về Hoa Kỳ và không trở về Việt Nam nữa. Điều này làm trái ý nguyện của bà M, bản thân ông H1 và cả dòng họ không đồng ý. Hơn nữa, hiện nay ông H1 còn sống chung với bà Khổng Thị Đ, hiện bà Đ không có gia đình, đã sống chung với gia đình ông H1 từ hồi bà M còn sống cho đến hiện nay. Sau sự việc trên, bà H không trực tiếp liên lạc với ông H1 mà còn nhờ người gây khó khăn cho cuộc sống của ông H1, gọi điện thoại hăm dọa và sau cùng là nhờ chính quyền can thiệp nhằm mục đích cuối cùng để ép ông Hiệp bán căn nhà. Khi nhận giấy thừa kế, ông H1 đã đảm nhận trách nhiệm là được quyền sử dụng và chịu trách nhiệm dân sự đối với toàn bộ nhà đất trên, cũng như đảm bảo cho nguyện vọng của bà M là đảm bảo cho bà H về và sinh sống tại căn nhà này. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H.

Về giá trị tài sản là 63.815.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ tám trăm mười lăm triệu đồng) theo Chứng thư thẩm định giá số 1606/2020/CT-TN ngày 18/8/2020 do Công ty Thẩm định giá TN phát hành, ông H1 không đồng ý với giá này và không có yêu cầu định giá lại do việc định giá không đúng quy định và xâm phạm quyền sở hữu của ông H1.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1838/2023/DS-ST ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H: Chia đôi giá trị nhà đất số đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14011/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2000. Bà Dương Thị H và ông

Dương Xuân H1 mỗi người được hưởng 1/2 giá trị nhà đất trên. Giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2023, bị đơn ông Dương Xuân H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khổng Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Xuân H1, bà Khổng Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Hồ sơ vụ án thể hiện bà Lê Thị Kim Th là đại diện cho bà H, sau khi tờ ủy quyền cũ của bà H hết hạn, ngày 24/4/2020 bà H có làm ủy quyền mới cho bà Th nhưng Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng giấy ủy quyền cũ là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung nhưng không xem xét đến công sức duy tu căn nhà. Năm 1998, bà H sang Mỹ thì ông H1 là người trực tiếp chăm sóc bà M và quản lý tài sản nhưng Tòa án không xem xét là không phù hợp. Đối với chứng thư thẩm định giá của công ty TN là không đúng quy định, công ty TN không cung cấp biên bản khảo sát thực tế, ông H1 cũng không nhận được thông báo của Tòa án hay có bất kỳ đơn vị nào đến thẩm định trực tiếp tại phần nhà đất tranh chấp, nên chứng thư thẩm định không có giá trị. Về chi phí tố tụng, chi phí thẩm định bà Th tạm ứng nhưng Bản án không tuyên ai phải chịu chi phí tố tụng. Khi xét xử Tòa án chưa xem xét đến quyền lợi của những người liên quan, cháu H3 sinh năm 2010, tại khoản 3 Điều 5 Luật trẻ em quy định phải đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ em, cháu H3 đang sống ổn định tại căn nhà này, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phát mãi căn nhà sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu H3. Đối với bà Khổng Thị Đ, bà là em ruột của bà M, bà Đ mất khả năng lao động, hạn chế khả năng tự chăm sóc bản thân, khi còn sống bà M rất yêu thương bà Đ, bà M nhiều lần căn dặn ông H1 phải chăm sóc bà Đ tại căn nhà trên. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chưa đảm bảo quyền lợi cho bà Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bổ sung thêm:* Tại bút lục số 192 tài liệu của phòng lưu trữ thuế Hồ Chí Minh, xác định căn nhà tranh chấp do bà M và bà Đ thuê và sau đó mua số tiền 192 triệu, thời điểm đó bà M buôn bán bánh cuốn thì lấy đâu số tiền lớn như vậy để mua. Bà Đ cũng trình bày có bỏ tiền ra để mua căn nhà nhưng vì là chị em với bà M nên không có giấy tờ. Đối với giá trị tại chứng thư thẩm định giá cũng không phù hợp đối với giá trị thực tế. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho bà Đ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Bản án cấp sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Về chứng thư thẩm định, đã được thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật. Đối với bà Đ, do không có ý kiến trong quá trình xét xử sơ thẩm, ông H1 là đại diện của bé Hằng nhưng cũng không đưa ra ý kiến nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Đối với chi phí sửa chữa, bổ sung ông H1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị đơn khởi kiện thành một vụ án dân sự khác. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng ý chí của bà M để lại căn nhà để sử dụng mà không bán

là ý chí chủ quan của phía bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H1, bà Đ; giữ y án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nhà đất tranh chấp là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chia đều cho nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ, đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Dương Xuân H1, bà Không Thị Đ làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất xác định nhà đất tọa lạc tại số đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của bà Không Thị M (mẹ của nguyên đơn, bị đơn) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14011/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2000, diện tích đất 76m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng nhà ở 274,2 m<sup>2</sup>, kết cấu tường gạch, sàn + mái BTCT, 4 tầng, có lửng. Năm 2015, bà M mất theo Giấy chứng tử số 62/2015 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 1, TP.HCM cấp. Ngày 04/9/2015, bà H và ông H1 thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế và cập nhật đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất.

Như vậy, nhà đất tọa lạc tại số đường L là tài sản chung của ông Dương Xuân H1 và bà Dương Thị H. Bà H yêu cầu chia tài sản chung, đề nghị được nhận 1/2 giá trị nhà đất là phù hợp với quy định tại Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Xuân H1 cho rằng nhà đất tại đường L là tài sản chung đã được chia thừa kế, bà H là người đã định cư ở nước ngoài nên không được quyền sở hữu, chỉ được hưởng phần giá trị nhà khi ông thực hiện mua bán nhà hoặc Nhà nước thu hồi theo quy định pháp luật. Khi khai nhận di sản thừa kế đã thống nhất giao cho ông đảm nhận trách nhiệm sử dụng, quản lý toàn bộ nhà đất trên, thực hiện đúng nguyện vọng của bà M là đảm bảo cho bà H về và sinh sống tại căn nhà này. Vì vậy, ông H1 không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của bà H. Xét thấy, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông H1 và bà H không hạn chế việc

bà H yêu cầu chia tài sản chung; không hạn chế việc tài sản dùng vào việc thờ cúng, không được chuyển nhượng hoặc thực hiện giao dịch dân sự khác. Bà H cũng chỉ yêu cầu được chia tài sản chung bằng giá trị, không yêu cầu được nhận hiện vật nên việc cho rằng bà H là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, không đủ điều kiện đứng tên quyền sử dụng đất để cho rằng bà H không được quyền yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà đất đường L là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền của ông H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến công sức duy tu, giữ gìn tài sản của ông H1 khi chia tài sản chung. Thấy rằng, thực tế ông H1 là người quản lý tài sản này từ sau khi bà M mất đến nay; quá trình quản lý căn nhà ông H1 cho thuê và hưởng lợi tức từ việc cho thuê, cụ thể hiện nay đang cho Công ty TNHH Du lịch C thuê. Bà H không yêu cầu ông H1 hoàn trả lại phần lợi tức này. Khoản lợi tức này được xem như khoản công sức ông H1 đã bỏ ra để nhận quản lý nhà nên ý kiến phía ông H1 đưa ra không có cơ sở chấp nhận. Đối với phần chi phí sửa chữa căn nhà, quá trình xét xử sơ thẩm, ông H1 không đặt ra vấn đề này, hiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bỏ chi phí ra để sửa chữa, xây dựng thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông H1 có yêu cầu và có tài liệu, chứng cứ chứng minh thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác để buộc bà H thanh toán lại.

Đối với giá trị tài sản tranh chấp, ông H1 cho rằng Chứng thư thẩm định giá số 1606/2020/CT-TN ngày 18/8/2020 do Công ty Thẩm định giá TN xác định nhà đất có giá 63.815.000.000 đồng là không đúng với giá trị thực tế của tài sản nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thẩm định giá không khách quan. Quá trình xét xử sơ thẩm, ông H1 cũng không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp. Mặt khác, việc định giá tài sản chỉ là căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí; phần quyết định của bản án tuyên giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản để thi hành án, không tuyên buộc nghĩa vụ của các bên theo giá trị tài sản đã định.

Đối với ý kiến cho rằng căn nhà trên có nguồn gốc do bà Khổng Thị M và bà Khổng Thị Đ góp tiền mua chung, để bà M đứng tên, thấy rằng bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc góp tiền mua căn nhà. Việc bà M đứng tên nhà đất, quản lý, sử dụng, sau đó bà H và ông H1 thỏa thuận cam kết tài sản chung, bà Đ vẫn ở trên nhà đất này, biết sự việc nhưng không có ý kiến phản đối, tranh chấp. Quá trình xét xử sơ thẩm bà Đ cũng không đưa ra ý kiến về nội dung này. Vì vậy, lời trình bày của bà Đ về nguồn gốc chuyển nhượng căn nhà là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Dương Xuân H1, bà Khổng Thị Đ không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Dương Xuân H1, bà Khổng Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Xuân H1, bà Khổng Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1838/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng: Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H: Chia đôi giá trị nhà đất số đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 14011/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2000. Bà Dương Thị H và ông Dương Xuân H1 mỗi người được hưởng 1/2 giá trị nhà đất trên. Giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản để thi hành án.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Xuân H1.

Bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.907.500 (Tám mươi lăm triệu chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/003163 8 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà Dương Thị H còn phải nộp 44.907.500 (Bốn mươi bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Xuân H1.

Bà Khổng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000874 ngày 17/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

4/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (8);
- Lưu VP(5), HS(2).20b.NTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**